CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: **26**/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra nhà nước ngành Xây dựng, thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Xây dựng.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và của Sở Xây dựng theo ủy quyền hoặc phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng.

Chương II
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN THANH TRA NHÀ NƯỚC NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 3. Cơ quan thanh tra nhà nước ngành Xây dựng

1. Thanh tra Bộ Xây dựng.

2. Thanh tra Sở Xây dựng.

Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ Xây dựng

1. Thanh tra Bộ Xây dựng có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên, công chức, được tổ chức thành các phòng nghiệp vụ.

2. Chánh Thanh tra do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Phó Chánh Thanh tra do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra giúp Chánh Thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra.

Các phòng nghiệp vụ do Bộ trưởng quyết định thành lập.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Xây dựng

Thanh tra Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 18 Luật thanh tra, Điều 7 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Khảo sát, thu thập thông tin làm cơ sở xây dựng kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng ban hành; định hướng Thanh tra Sở Xây dựng xây dựng kế hoạch thanh tra.

2. Thực hiện thanh tra chuyên ngành theo nội dung quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Yêu cầu Thanh tra Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

4. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về thanh tra cho công chức, thanh tra viên làm công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng.

5. Chủ trì hoặc tham gia các đoàn thanh tra liên ngành do Bộ, ngành, địa phương thành lập.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở Xây dựng.

7. Thường trực công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

8. Tổng kết pháp luật về thanh tra, pháp luật về xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng

Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 19 Luật thanh tra, Điều 8 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thành lập các đoàn thanh tra theo kế hoạch thanh tra được Bộ trưởng phê duyệt.

2. Quyết định thanh tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng hoặc do Bộ trưởng giao.

3. Trình Bộ trưởng ra quyết định thành lập đoàn thanh tra hành chính liên ngành theo kế hoạch thanh tra được duyệt hoặc đột xuất đối với vụ việc đặc biệt phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành; quyết định thành lập đoàn thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch thanh tra được duyệt hoặc đột xuất đối với vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều cấp, nhiều ngành.

4. Yêu cầu Chánh Thanh tra Sở Xây dựng báo cáo về công tác thanh tra chuyên ngành định kỳ hoặc đột xuất.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

6. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng giao.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở Xây dựng

1. Thanh tra Sở Xây dựng có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên, công chức.

Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở Xây dựng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

Phó Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở Xây dựng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra giúp Chánh Thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra.

2. Thanh tra Sở Xây dựng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức các đội đặt tại địa bàn cấp huyện.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Xây dựng

Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Luật thanh tra, Điều 13 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Khảo sát, thu thập thông tin làm cơ sở xây dựng kế hoạch thanh tra theo định hướng của Thanh tra Bộ, trình Giám đốc Sở phê duyệt, báo cáo Thanh tra Bộ.

2. Thực hiện thanh tra chuyên ngành theo nội dung quy định tại Điều 11 của Nghị định này trong phạm vi thẩm quyền quản lý.

3. Thường trực công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

4. Chủ trì hoặc tham gia các đoàn thanh tra liên ngành do các sở, ngành, địa phương thành lập; tham gia các đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ thành lập.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng

Chánh Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 25 Luật thanh tra, Điều 14 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thành lập đoàn thanh tra theo kế hoạch thanh tra đã được Giám đốc Sở phê duyệt.

2. Quyết định việc thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng hoặc do Giám đốc Sở giao.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Trình Giám đốc Sở ra quyết định thành lập đoàn thanh tra, đoàn thanh tra liên ngành theo kế hoạch thanh tra được duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất.

4. Chỉ đạo hoạt động của lực lượng cán bộ, công chức, thanh tra viên của Thanh tra Sở Xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương III
HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 10. Nội dung thanh tra hành chính

Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

Điều 11. Nội dung thanh tra chuyên ngành xây dựng

1. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch, kiến trúc:

a) Về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng: Quy hoạch xây dựng vùng; quy hoạch xây dựng đô thị; quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các cửa khẩu biên giới quốc tế;

b) Về công tác quản lý quy hoạch xây dựng: Công bố công khai quy hoạch xây dựng; cắm mốc chỉ giới xây dựng và các mốc giới quy định khác ngoài thực địa; cấp giấy phép quy hoạch; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; thực hiện xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Việc quản lý, sử dụng vốn cho công tác quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền;

d) Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng, điều kiện hành nghề kiến trúc sư, điều kiện hành nghề kỹ sư quy hoạch đô thị; việc đào tạo, cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, chứng chỉ hành nghề kỹ sư quy hoạch đô thị.

2. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng;

c) Việc áp dụng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng đối với công trình xây dựng; việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng của nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

d) Việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng;

đ) Việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của Luật xây dựng và pháp luật về đấu thầu;

e) Việc cấp, thu hồi giấy phép thầu đối với các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

g) Việc thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

h) Việc ký kết, thực hiện hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

i) Việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

k) Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng; nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình; thanh toán, quyết toán công trình theo thẩm quyền;

l) Việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cấp và quản lý các loại chứng nhận, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật;

m) Việc thành lập, hoạt động của các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

3. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển đô thị, bao gồm:

a) Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc tuân thủ quy định pháp luật trong việc nâng cấp đô thị;

c) Việc đầu tư xây dựng các khu đô thị.

4. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; chất thải rắn thông thường; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; nghĩa trang; công trình ngầm đô thị; các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

5. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển, quản lý, sử dụng nhà ở, kinh doanh bất động sản, quản lý, sử dụng công sở trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

6. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh vật liệu xây dựng có điều kiện theo quy định của pháp luật.

7. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo thẩm quyền.

8. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật khác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Xây dựng.

Điều 12. Phê duyệt kế hoạch thanh tra

1. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hằng năm.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hằng năm.

2. Căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra của Thanh tra Bộ Xây dựng và Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm trình Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hằng năm.

Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Kế hoạch thanh tra được gửi cho Thanh tra Bộ Xây dựng chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 hằng năm.

3. Việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt của Bộ Xây dựng phải báo cáo Bộ trưởng; việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt của Sở Xây dựng phải báo cáo Giám đốc Sở.

Điều 13. Xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra

1. Kế hoạch thanh tra của Sở Xây dựng nếu chồng chéo với kế hoạch thanh tra của Bộ Xây dựng thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra của Bộ Xây dựng.

2. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh giải quyết việc chồng chéo trong hoạt động thanh tra ngành Xây dựng với các cơ quan thanh tra của địa phương.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 14. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra

Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ra quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành. Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Giám đốc Sở Xây dựng ra quyết định thanh tra theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 và Khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

Điều 15. Thời hạn thanh tra

1. Cuộc thanh tra chuyên ngành, cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ Xây dựng tiến hành không quá 45 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày.

2. Cuộc thanh tra chuyên ngành, cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Sở Xây dựng tiến hành không quá 30 ngày, trường hợp phức tạp hoặc do điều kiện đi lại khó khăn tại các địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

3. Người ra quyết định thanh tra có thẩm quyền quyết định kéo dài thời hạn thanh tra theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục hoạt động thanh tra ngành Xây dựng

1. Hoạt động thanh tra của Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện theo quy định của Luật thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

2. Hoạt động thanh tra của thanh tra viên tiến hành thanh tra độc lập thực hiện theo quy định của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra

1. Trong quá trình thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung quyết định thanh tra;

b) Kiến nghị với người ra quyết định thanh tra áp dụng biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra quy định tại Điều 55 Luật thanh tra;

c) Yêu cầu đối tượng thanh tra xuất trình giấy phép, đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề và cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Lập biên bản về việc vi phạm của đối tượng thanh tra;

đ) Kiểm kê tài sản liên quan đến nội dung thanh tra của đối tượng thanh tra;

e) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu đó;

g) Tạm giữ tiền, đồ vật, giấy phép sử dụng trái pháp luật theo quy định khi xét thấy cần ngăn chặn ngay việc vi phạm pháp luật hoặc để xác minh làm chứng cứ cho việc kết luận, xử lý;

h) Quyết định niêm phong tài liệu của đối tượng thanh tra khi có căn cứ cho rằng có vi phạm pháp luật;

i) Tạm đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ việc làm của đối tượng thanh tra khi xét thấy việc làm đó gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

k) Kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, thuyên chuyển công tác, cho nghỉ hưu đối với người đang cộng tác với cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra;

l) Yêu cầu tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra để phục vụ việc thanh tra khi có căn cứ cho rằng đối tượng thanh tra có hành vi tẩu tán tài sản;

m) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

n) Báo cáo với người ra quyết định thanh tra về kết quả thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo đó.

2. Trưởng đoàn thanh tra được đóng dấu của cơ quan thanh tra lên chữ ký của mình khi ban hành văn bản để áp dụng các biện pháp thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo thẩm quyền.

3. Khi xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp quy định tại các Điểm g, h, i, k và l Khoản 1 Điều này thì Trưởng đoàn thanh tra phải quyết định hoặc kiến nghị hủy bỏ ngay việc áp dụng biện pháp đó.

4. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Trưởng đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

Điều 18. Thực hiện kết luận thanh tra

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký kết luận thanh tra hoặc nhận được kết luận thanh tra, Bộ trưởng, Giám đốc Sở có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp với cơ quan ra quyết định thanh tra, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là đối tượng thanh tra có trách nhiệm ra quyết định xử lý kỷ luật cá nhân có sai phạm được nêu trong kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức hoặc pháp luật về lao động.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý vi phạm nêu trong kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra quy định tại Khoản 2 Điều này mà không xử lý, xử lý không kịp thời hoặc xử lý không đầy đủ thì bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 19. Thanh tra lại

1. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng giao.

2. Quyết định thanh tra lại bao gồm các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật thanh tra. Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định thanh tra lại, người ra quyết định thanh tra lại phải gửi quyết định thanh tra lại cho người đã ký kết luận thanh tra và đối tượng thanh tra lại.

3. Căn cứ thanh tra lại, thời hiệu thanh tra lại, thời hạn thanh tra lại, nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra lại, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra, báo cáo kết quả thanh tra lại, kết luận thanh tra lại thực hiện theo quy định của Luật thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

4. Kết luận thanh tra lại của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng được gửi Bộ trưởng, Thanh tra Chính phủ.

Điều 20. Tổng hợp, báo cáo công tác thanh tra ngành Xây dựng

1. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Chánh Thanh tra tỉnh về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Chương IV
THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 21. Thanh tra viên ngành Xây dựng

1. Thanh tra viên ngành Xây dựng là công chức của Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng, được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng.

2. Thanh tra viên ngành Xây dựng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định của pháp luật về xây dựng; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

b) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Trang phục, phù hiệu, biển hiệu của thanh tra viên ngành Xây dựng

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trang phục, cấp hiệu của thanh tra ngành Xây dựng sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra viên ngành Xây dựng có trách nhiệm bảo quản, sử dụng thẻ thanh tra, biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu trong khi thi hành nhiệm vụ. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân sử dụng thẻ thanh tra, trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu tương tự, gây nhầm lẫn với thanh tra ngành Xây dựng; nghiêm cấm thanh tra viên ngành Xây dựng sử dụng thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu vào mục đích cá nhân. Trường hợp thanh tra viên sử dụng thẻ thanh tra, phù hiệu, biển hiệu thực hiện hành vi trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng

1. Cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng là công chức, viên chức, người am hiểu sâu về chuyên ngành, được Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng trưng tập tham gia đoàn thanh tra. Cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng là người không thuộc biên chế của các cơ quan thanh tra nhà nước.

2. Cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng là người có phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan.

Tùy theo yêu cầu từng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra trưng tập cộng tác viên thanh tra. Việc trưng tập kết thúc khi đoàn thanh tra kết thúc cuộc thanh tra hoặc cộng tác viên thanh tra không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo quy định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

2. Phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm của Bộ Xây dựng.

3. Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra.

4. Kiện toàn tổ chức; chỉ đạo, bảo đảm kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục và các điều kiện hoạt động cho Thanh tra Bộ Xây dựng.

5. Ban hành quy định cụ thể về trang phục, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật của thanh tra ngành Xây dựng.

6. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Thanh tra Sở.

2. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang phục và kinh phí hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

3. Ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

Điều 26. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Xây dựng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Xây dựng.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Thanh tra Sở, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 24 Nghị định này trong phạm vi quản lý của Sở Xây dựng.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 27. Trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan thanh tra ngành Xây dựng và các cơ quan, tổ chức khác

1. Trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan thanh tra ngành Xây dựng:

a) Thanh tra Bộ chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ về thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở;

b) Thanh tra Sở có trách nhiệm phối hợp, cử người tham gia các đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Bộ hoặc Bộ trưởng quyết định thành lập khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của cơ quan trong ngành Xây dựng:

Các cơ quan trong ngành Xây dựng có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo đề nghị của cơ quan thanh tra ngành Xây dựng để phục vụ cho hoạt động thanh tra; giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, xử lý kịp thời vi phạm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị được phát hiện qua công tác thanh tra.

3. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức khác:

a) Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng xây dựng đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng;

b) Cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp, giải quyết những kiến nghị do cơ quan thanh tra ngành Xây dựng chuyển đến và trả lời bằng văn bản về việc xử lý kiến nghị theo quy định; phối hợp với cơ quan thanh tra ngành Xây dựng, lực lượng quản lý trật tự xây dựng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

4. Trách nhiệm, quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật thanh tra.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2013, thay thế Nghị định số 46/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng.

2. Chấm dứt việc thực hiện Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Thanh tra xây dựng quận, huyện và Thanh tra xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).N. 500

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn